

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7- 2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Duy Hải
2. Ông Lê Quang Xet

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình D.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1977; thường trú: Tổ 1, Khu phố 1, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình D; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bò Văn C, sinh năm 1974; thường trú: Tổ 1, Khu phố 1, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình D; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Bò Văn C tự nguyện chung sống được hai bên gia đình tổ chức lễ Cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) V, thị xã TU, tỉnh Bình D năm 1999.

Thời gian đầu cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng nhau về tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Nguyên nhân là do ông C có quan hệ tình cảm và có con riêng với người phụ nữ khác làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng, cha con luôn bất đồng, gia đình luôn

xảy ra cãi vã nghi ngờ nhau. Vì các con bà Th đã bỏ qua mâu thuẫn để mong hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên ông C thường xuyên chửi mắng, không tôn trọng bà Th. Ông C là người giữ toàn bộ tiền trong gia đình, không đưa tiền để bà Th trả chi phí sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng cãi nhau về tiền bạc. Mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn, mẹ bà Th khuyên can, ông C cũng không tôn trọng mẹ bà Th mà còn lớn tiếng chửi lại. Đã nhiều lần bà Th góp ý, khuyên nhủ nhưng ông C không thay đổi. Hiện tại, vợ chồng bà Th đã sống ly thân 02 năm. trong thời gian sống ly thân không nói chuyện với nhau vì mỗi lần nói chuyện là cãi nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, bà Th yêu cầu ly hôn với ông C.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Th và ông Bồ Văn C có 02 con chung tên Bồ Thị Ngọc Đ, sinh ngày 13-8-1995 và Bồ Linh D, sinh ngày 23-10-1998. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2020, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Bồ Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông C thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian kết hôn và thời gian chung sống. Ông C thừa nhận có con riêng với người phụ nữ khác nhưng sự việc diễn ra đã 10 năm và bà Th đồng ý bỏ qua để vợ chồng tiếp tục chung sống.

Ông C làm nghề cạo mủ cao su ở tỉnh P, mỗi lần đi khoảng 4 đến 05 ngày thì về nhà một lần. Khi hết mùa cạo mủ cao su thì ông C ở nhà khoảng 01 tháng. Qua mỗi quan hệ làm ăn, ông C có đi uống cà phê với những người phụ nữ khác nhưng không có tình cảm sâu đậm, không chung sống như vợ chồng. Ông C thừa nhận sau khi cãi nhau hai vợ chồng giận nhau, bà Th ngủ phòng riêng, ông C và bà Th đã sống ly thân 02 năm. Trong thời gian 02 năm sống ly thân vợ chồng không nói chuyện được với nhau vì mỗi lần nói chuyện chỉ cãi nhau, không có tiếng nói chung. Tiền bạc trong nhà trước đây bà Th giữ nhưng chi tiêu không minh bạch nên ông C phải giữ lại để chi tiêu những việc cần thiết. Cuộc sống gia đình ông C tuy có bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không nói chuyện được với nhau nhưng thuần giữa ông C và bà Th chưa đến mức phải ly hôn, do đó, ông C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

- Về con chung: 02 con chung tên Bồ Thị Ngọc Đ, sinh ngày 13-8-1995 và Bồ Linh D, sinh ngày 23-10-1998 đã trưởng thành, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Trong quá trình sống chung sống bà Th và ông C có tạo lập được tài sản chung, tuy nhiên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố

tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình D.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Th và ông Bô Văn C là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông C đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Th.

+ Về con chung: Đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Th và ông Bô Văn C không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bô Văn C. Ông Bô Văn C đăng ký thường trú và hiện đang C trú tại Tổ 1, Khu phố 1, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình D. Đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình D theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th yêu cầu được ly hôn, ông Bô Văn C không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Phạm Thị Th và ông Bô Văn C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã TU, tỉnh Bình D, đây là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn gia đình ông C, bà Th phát sinh bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau và không tôn trọng lẫn nhau. Ngoài mâu thuẫn về tình cảm còn có mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế trong gia đình không tìm được cách giải quyết. Ông C và bà Th đã sống ly thân 02 năm, trong thời gian sống ly thân mặc dù cùng sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, không quan tâm tới cuộc sống của nhau và không tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 18/6/2020, Ủy ban nhân dân phường V, thị xã TU không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn giữa bà Th và ông C vì không nhận được yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử đã nhiều lần hòa giải mong muốn bà Th và ông C hàn gắn những mâu thuẫn tồn tại trong hôn nhân để đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con, tuy nhiên bà Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông C đã tồn tại từ lâu, kéo dài tới nay nên không thể hàn gắn, bà

Th không còn tình cảm vợ chồng với ông C, không thể chung sống hạnh phúc và giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Phạm Thị Th và ông Bò Văn C đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Phạm Thị Th yêu cầu ly hôn ông Bò Văn C có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: 02 con chung của bà Th và ông C tên Bò Thị Ngọc Đ, sinh ngày 13-8-1995 và Bò Linh D, sinh ngày 23-10-1998 đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Th về việc “Ly hôn” với bị đơn ông Bò Văn C. Bà Phạm Thị Th được ly hôn với ông Bò Văn C.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0038047, ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Th và ông Bò Văn C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình D;
- VKSND tỉnh Bình D;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- UBND phường V;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Đỗ Thị Lan Hương

